TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2018/DS-ST
Ngày: 13 -9-2018
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thúy Uyên
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phạm Văn Nam
2. Ông Nguyễn Minh Chiến

- Thư ký phiên toà: Bà Hồ Thị Lài - Thư ký Toà án của Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Thành - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 9 năm 2018 tại phòng xét xử của Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 170/2018/TLST- DS ngày 27 tháng 6 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 185/2018/QĐST-DS ngày 20 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự, quyết định hoãn phiên tòa số 192/2018/QĐST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:
1.1. Bà Nguyễn Kim H, sinh năm 1969
1.2. Ông Lê Văn T, sinh năm 1970
Cùng trú tại: ấp T, xã M, huyện M, tỉnh Bến Tre.
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Văn T -Văn phòng luật sư Nguyễn Hoàng V thuộc đoàn luật sư tỉnh Bến Tre.
Ông T ủy quyền cho bà Nguyễn Kim H.
2. Bị đơn:
2.1. Anh Lương Văn T1, sinh năm 1980
2.2. Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1982
Cùng trú tại: ấp Tân Lễ II, xã Tân Trung, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Bà H, anh T có mặt, chị C vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa nguyên đơn đồng thời được ủy quyền bà Nguyễn Kim H trình bày:

Trước ngày 28-11-2016 al anh T có vay tiền của vợ chồng bà nhiều lần và đến ngày 28-11- 2016 al còn nợ tổng cộng là 705.000.000 đồng, ngày 28-11-2016 al chị C kêu vay thêm 50.000.000 đồng nên ngày 28-11-2016 al hai bên chốt nợ là 755.000.000 đồng và anh T, chị C cầm đất cho bà. Khi vay vợ chồng bà và anh T thỏa thuận lãi 3.000.000 đồng/01tháng/100.000.000 đồng, anh T vay vài ngày trả rồi vay lại nhiều lần. Khi chốt nợ ngày 28-11-2016 al vợ chồng anh Lương Văn T1 và chị Nguyễn Thị C có viết tờ giấy cầm đất ngày 28-11-2016al ghi anh T, chị C có cầm 5.000m^2 đất vườn dừa, tọa lạc ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre với số tiền 755.000.000 đồng trong thời hạn 5 năm cầm trả đủ tiền thì trả lại đất và vợ chồng bà quản lý và bẻ dừa. Từ ngày làm biên nhận tiền phía anh T, chị C có giao phần đất đó cho vợ chồng bà quản lý, canh tác và thu hoa lợi. Nhưng đến ngày 07-5-2018 không hiểu vì lý do gì mà anh T, chị C lấy lại phần đất để bẻ dừa. Từ thời điểm đó đến nay, vợ chồng bà đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng anh T, chị C trả lại số tiền nêu trên cho vợ chồng bà nhưng anh T, chị C không trả. Khi anh T viết giấy nhận nợ và cầm đất 28-11-2016 al là tại nhà anh T, lúc này có mặt chị C. Bà có kêu hai vợ chồng cùng ký tên nhưng không biết chị C có ký hay không nhưng bà không yêu cầu giám định. Chị C cũng phải có trách nhiệm với số nợ này vì anh T vay để chăn nuôi. Trong giấy thỏa thuận cầm đất anh T ghi "...có cầm cho Lê Văn T và bà Nguyễn Thị H..." nhưng tên bà là Nguyễn Kim H, anh T ghi sai.

Nay bà và ông T yêu cầu anh T, chị C có trách nhiệm liên đới trả cho ông bà là 755.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi từ ngày 07/5/2018 đến ngày tòa giải quyết xong vụ án với mức lãi là 0,6%/tháng.

**Bị đơn anh Lương Văn T1 trình bày:*

Anh có vay tiền của bà H, ông T nhiều lần nhưng anh không nhớ rõ, anh chỉ nhớ là: Vay lần đầu ngày tháng không nhớ chỉ nhớ năm 2014, anh vay 30 triệu lãi 3%/tháng thỏa thuận mỗi tháng trả lãi, còn vốn thì khi nào có tiền thì trả. Vay lần 2 cũng trong năm 2014 vay 40 triệu, lãi 3%/tháng thỏa thuận mỗi tháng trả lãi còn vốn thì khi nào có tiền thì trả. Vay lần 3 cũng trong năm 2014 vay 25 triệu, lãi 3%/tháng thỏa thuận mỗi tháng trả lãi, còn vốn thì khi nào có tiền thì trả. Và nhiều lần sau, anh vay nhiều lần với nhiều số tiền, tổng cộng đến năm 2016 thì thiếu bà H và ông T tổng cộng là 755.000.000 đồng. đến ngày 28-11-2016 âm lịch thì viết giấy cầm đất và thừa

nhận số nợ. Anh không nhớ đã đóng được bao nhiêu tiền lãi, anh không yêu cầu tính lãi lại.

Vợ anh là Nguyễn Thị C không biết gì về số tiền vay này. Giấy cầm đất ngày 28-11-2016 âm lịch do anh viết nội dung và ký, ghi họ tên Lương Văn T1 còn chữ ký và họ tên Nguyễn Thị C vợ anh không có ký tên, chữ ký và họ tên Nguyễn Thị C là do anh ký tên và ghi họ tên. Anh vay tiền mục đích là để chăn nuôi heo. Khi cầm đất cho bà H, ông T thì QSD đất ngân hàng nông nghiệp huyện Mỏ Cày Nam đang giữ để đảm bảo khoản vay của vợ chồng anh. Đến thời điểm này thì sổ vẫn còn trong ngân hàng, nợ này đang đến hạn, ngân hàng chuẩn bị phát mãi tài sản. Khi cầm cố đất thì anh giao đất là ngày 28-11-2016 âm lịch, bà H, ông T canh tác khoảng 13 tháng thì anh lấy lại vào ngày 13-4-2018 âm lịch. Hiện nay, đất này anh đang canh tác, quản lý, sử dụng. Anh không có yêu cầu gì đối với số dừa mà bà H, ông T đã thu hoạch.

Nay qua yêu cầu của nguyên đơn, anh đồng ý trả 755.000.000 đồng, xin không trả lãi vì anh đã trả lãi cho nguyên đơn nhiều rồi, đồng thời anh xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Anh chỉ đồng ý trả một mình không đồng ý liên đới cùng chị Nguyễn Thị C trả vì chị C không biết gì về số nợ này. Tại phiên tòa anh T xin trả dần mỗi tháng 4.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn phát biểu quan điểm:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả 755.000.000 đồng và bị đơn anh T thống nhất còn nợ 755.000.000 đồng nên yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp. Đây là hợp đồng vay không thỏa thuận lãi nên khi bị đơn vi phạm thì tính lãi theo điều 466 bộ luật Dân sự nhưng nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi 0,6% là phù hợp. Mục đích anh T vay là để chăn nuôi heo là nhằm phục vụ kinh tế gia đình nên buộc chị C liên đới trả nợ là phù hợp. Nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 07-5-2018 là ngày anh T điện thoại không cho bẻ dừa nữa, thời gian ngày 07-5-2018 là sau ngày anh T lấy lại đất, việc yêu cầu như vậy là có lợi cho bị đơn. Đối với yêu cầu xin không trả lãi, xin trả dần mỗi tháng 4.000.000 đồng và chỉ đồng ý trả một mình nhưng nguyên đơn không đồng ý. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn liên đới trả 755.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 07-5-2018 đến ngày tòa xét xử với mức lãi suất là 0,6%/tháng.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo qui định pháp luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của đương sự: nguyên đơn, chấp hành đúng qui định pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn, chấp hành không đúng qui định pháp luật tố tụng dân sự

Về nội dung:

Đề nghị: Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc anh Lương Văn T1 và chị Nguyễn Thị C có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Kim H và ông Lê Văn T 755.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 07-5-2018 đến ngày tòa xét xử theo mức lãi suất 0,6%/tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, qua tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn thì vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp về dân sự cụ thể là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" và bị đơn có nơi cư trú tại huyện Mỏ Cày Nam, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam.

Chị Nguyễn Thị C đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do. Do đó, căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị C là phù hợp.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

Nguyên đơn bà Nguyễn Kim H và ông Lê Văn T yêu cầu anh Lương Văn T1 và chị Nguyễn Thị C có nghĩa vụ liên đới trả 755.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 07-5-2018 đến ngày tòa giải quyết xong vụ án với mức lãi là 0,6%/tháng. Thấy rằng, bà H và anh T đều thống nhất là anh T còn thiếu bà H, ông T 755.000.000 đồng. Như vậy, anh T còn thiếu bà H, ông T số tiền 755.000.000 đồng tiền vay là có thật. Đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015. Tuy nhiên theo nguyên đơn thì khi vay tiền có chị C cùng vay nên yêu cầu chị C và anh T có trách nhiệm liên đới trả 755.000.000 đồng và tiền lãi cho nguyên đơn. Hội đồng xét xử thấy rằng, nguyên đơn cho rằng chị C cùng vay tiền với anh T nhưng không có chứng cứ chứng minh, tại giấy không tiêu đề ngày 28-11-2016al nội dung cầm cố 5.000m^2 với số tiền 755.000.000 đồng phía dưới có ký tên và ghi Nguyễn Thị C, tuy nhiên anh T cho rằng chữ ký và chữ viết là của anh, không phải chị C ký tên, trong khi đó nguyên đơn không biết có phải chị C ký tên hay không và nguyên đơn

cũng không yêu cầu giám định đối với chữ ký và chữ viết trong tờ giấy này. Nên không có cơ sở khẳng định chị C có cùng với anh T vay tiền của nguyên đơn. Tuy nhiên, anh T cho rằng việc vay tiền là để chăn nuôi heo. Thấy rằng việc anh T vay tiền nhằm mục đích làm kinh tế để phục vụ cuộc sống gia đình nên đối với chị Nguyễn Thị C là vợ anh T phải có nghĩa vụ liên đới cùng anh T trả lại cho nguyên đơn số tiền còn thiếu là phù hợp.

Đối với yêu cầu tính lãi thấy rằng: do các bên tự cam kết là cầm đất với số tiền vay 755.000.000 đồng và trả lãi bằng cách nguyên đơn thu hoạch dừa.hện nay phần đơn đã lấy lại nên không xem xét mà chỉ xem xét đến số tiền đã vay. Đối với tiền lãi anh T đã đóng anh không yêu cầu xem xét lại nên không xem xét, đối với dừa nguyên đơn thu hoạch anh T cũng không có yêu cầu nên không xem xét. Theo các bên tự nguyện thỏa thuận việc tính lãi bằng việc nguyên đơn thu hoạch dừa nhưng bị đơn lấy lại đất nên nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày bị đơn lấy lại đất là phù hợp. Tuy nhiên, thời gian nguyên đơn cho rằng bị đơn lấy đất lại ngày 07-5-2018 nên yêu cầu tính lãi từ ngày này, nhưng bị đơn cho rằng lấy lại đất ngày 14-3- 2018al (ngày 29-4-2018 dương lịch) nên việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày này là sau ngày bị đơn lấy lại đất là có cơ sở để chấp nhận và yêu cầu tính lãi 0,6%/tháng là phù hợp qui định của pháp luật nên được chấp nhận. Số tiền lãi tính từ ngày 07-5-2018 là: 755.000.000 đồng x 4 tháng 7 ngày x 0,6% = 18.120.000 đồng + 1.057.000 đồng = 19.177.000 đồng. Đối với yêu cầu xin không trả lãi, trả dần mỗi tháng 4.000.000 đồng cho đến khi hết nợ nhưng nguyên đơn không đồng ý nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc anh T, chị C liên đới trả cho ông T, bà H 755.000.000 đồng tiền gốc và 19.177.000 đồng tiền lãi là phù hợp.

[3] Về án phí: Bị đơn phải có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật là 755.000.000 đồng + 19.177.000 đồng = 774.177. 000 đồng = 20.000.000 đồng x 4% (774.177.000 đồng - 400.000.000 đồng = 374.177.000 đồng) nên số tiền án phí phải nộp là 34.967.000 đồng.

[4] Xét đề nghị của Luật sư là phù hợp với nhận định của tòa nên được chấp nhận.

[5] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của tòa nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật hôn nhân gia đình năm

2014, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc anh Lương Văn T1 và chị Nguyễn Thị C có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Lương Văn T và bà Nguyễn Kim H số tiền vay còn thiếu tổng cộng là 774.117. 000 (*Bảy trăm bảy mươi bốn triệu một trăm mười bảy nghìn*) đồng trong đó gồm 755.000.000 (*Bảy trăm năm mươi lăm triệu*) đồng tiền gốc và 19.177.000 (*Mười chín triệu một trăm bảy mươi bảy nghìn*) đồng tiền lãi.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Anh Lương Văn T1 và chị Nguyễn Thị C có nghĩa vụ liên đới nộp 34.967.000 (*Ba mươi bốn triệu chín trăm sáu mươi bảy nghìn*) đồng.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu tòa cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi ành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nơi nhận:
- *Đương sự;*
- *VKSND huyện Mỏ Cày Nam;*
- *Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam;*
- *Lưu.*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thúy Uyên

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam;
- Đương sự;
- Lưu (Hs, Vp)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thúy Uyên